

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH TẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HSST

Ngày: 27/9/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH TẬN**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Vũ Hà L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu T – ông Trần Hoàng Hải

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Song Y – Thư ký
Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Tận.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Tận tham gia phiên toà:
Ông Mai Văn Hùng – Kiểm sát viên.***

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2018/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ CAO ĐÌNH T - Sinh năm 1977 tại TH.

HKTT: Ấp Đ, xã Hùng S, huyện Tĩnh G, tỉnh TH.

Chỗ ở: Khu phố 5, phường Bình H, T phố PT, tỉnh Bình Tận.

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Đình K (đã chết) và bà (Không rõ). Gia đình có 3 anh, em; Bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2018 (con chung với Nguyễn Thị T).

Tiền án:

- Ngày 23/4/1998, bị Tòa án nhân dân T phố HCM xử phạt 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 02 (Hai) năm về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Tại Bản án số 745/HSST).

- Ngày 26/10/1998, bị Tòa án nhân dân quận Bình T, Tp. HCM xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” tại Bản án số 396/HSST, tổng hợp hình phạt với Bản án số 745/HSST ngày 23/4/1998, hình phạt chung của hai Bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

- Ngày 21/01/2003, bị Tòa án nhân dân T phố HCM xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 139/HSST. Đến ngày 02/3/2006, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 29/5/2007, bị Tòa án nhân dân T phố HCM xử phạt 10 (Mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 115/2007/HSST. Đến ngày 01/4/2015, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận số 311/GCN của Giám thị trại giam Xuyên M).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày **26/3/2018**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thị xã L. Có mặt

2/ TRẦN CẨM L - Sinh năm 1992 tại KG.

Nơi cư trú: Ấp Phước H, xã Mong T B, huyện C T, tỉnh KG.

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Cẩm H, sinh năm 1964 và bà: Lâm Thị H, sinh năm 1968 (Đã bỏ đi khi bị cáo còn nhỏ); Gia đình có 01 người con, bị cáo là con duy nhất.

Vợ, con: Không có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày **26/3/2018**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thị xã L. Có mặt

*** Bị hại:**

1. V/c Anh **Khương Duy K**, sinh năm 1984 và **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1989; Cùng nơi cư trú: Khu phố 1, phường Phước L, thị xã L, tỉnh Bình Tân. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Bình H, T phố PT, tỉnh Bình Tân. Có mặt

*** Người làm chứng:** Anh **Trương Công L**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường PH, thị xã L, tỉnh Bình Tân. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 14/02/2018, Cao Đình T dùng xe mô tô (không nhớ biển số) chở Trần Cẩm L đi uống cà phê. Trên đường đi, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để kiếm tiền tiêu xài nên đã rủ Trần Cẩm L cùng tham gia và được L đồng ý. Do cần tiền tiêu xài nên Cao Đình T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Trần Cẩm L cùng tham gia và được L đồng ý. Do trước đó, trong quá trình đi làm biển qua lại cửa hàng điện thoại di động Thảo K tại Khu phố 1, phường Phước L do anh Khương Duy K làm chủ, T đã biết phía sau chỉ có rào lưới B40 có thể cắt để đột nhập vào bên trong nên chở L đi theo đường hẻm bên cạnh tiệm điện thoại ra phía sau, lúc này là vào khoảng 20 giờ. Tại đây, T leo lên tường, dùng kiềm đã chuẩn bị trước để cắt lưới B40, nhưng bị đứt tay nên leo xuống cho L leo lên cắt đứt một đoạn lưới B40, sau đó T chui vào trong tiệm còn L ở ngoài cảnh giới. Khi vào được bên trong, T đi lên phía trước, mở các tủ lấy được 42 chiếc điện thoại di động (đã cũ nhưng còn sử dụng được bình thường) gồm: 07 chiếc Iphone 6, 05 chiếc Iphone 5S, 05 chiếc điện thoại Iphone 5C, 03 chiếc điện thoại Samsung J100, 02 chiếc điện thoại Samsung J200, 03 chiếc điện thoại Samsung J1, 05 chiếc điện thoại Samsung S5360, 05 chiếc điện thoại Samsung S3850, 02 chiếc điện thoại Sony XA, 02 chiếc điện thoại Sony M4, 02 chiếc điện thoại Sony C3 và 01 chiếc điện thoại HTC 620G bỏ vào một giỏ xách rồi thoát ra ngoài theo lối cũ. T chở L về phòng trọ tại phường Bình Tân, đưa cho L 01 điện thoại Iphone 6 để sử dụng. 41 chiếc điện thoại còn lại, T bỏ vào giỏ xách của Nguyễn Thị T để mang ra PT tiêu thụ. Lúc này, T gọi điện thoại cho T cùng đi ra PT và hẹn L ra chơi đồng thời để chia tiền.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Khương Duy K về tiệm phát hiện bị mất điện thoại, trong đó có chiếc điện thoại Iphone 6 của chị Nguyễn Thị Y có cài phần mềm định vị nên anh K mở theo dõi và phát hiện chiếc điện thoại này đang di chuyển theo hướng từ L ra PT, anh rủ một số người bạn đuổi theo, khi đến địa phận xã Tân T thì xác định được T và T đang mang theo chiếc điện thoại của chị Y. Anh K yêu cầu T dừng xe kiểm tra thì phát hiện trong giỏ xách T chở theo có 41 chiếc điện thoại di động các loại. Xác định đúng là tài sản của mình bị mất, anh K hỏi chiếc điện thoại còn lại ở đâu thì T nói đã cho L đang ở L nên anh K yêu cầu T và T về lại PH, đồng thời đưa L qua để lấy lại chiếc điện thoại còn lại. Do vào ngày tết nguyên đán 2018

nên anh K không trình báo với Công an mà để cho T và L về, đồng thời giữ điện thoại lại để bán. Đến ngày 15.3.2018, anh K trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã L và giao nộp 03 chiếc điện thoại còn lại.

Ngày 26/3/2018, Cao Đình T tiếp tục đột nhập vào nhà dân tại phường Lạc Đ, T phố PT để trộm cắp tài sản thì bị bắt quả tang. Qua quá trình làm việc, Cao Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L khai toàn bộ nội dung sự việc đúng như nội dung tóm tắt nêu trên.

Theo lời trình bày của bị hại Khương Duy K và Nguyễn Thị Y thì anh chị là vợ chồng, cửa hàng điện thoại di động Thảo K Tộc Khu phố 1, phường Phước L là do anh K làm chủ. Vào tối ngày 14/02/2018, anh K đóng cửa hàng này để ra ngoài có việc. Khoảng 01 Tg sau, anh K và chị Y quay lại cửa hàng thì phát hiện rào lưới B40 phía sau cửa hàng bị cắt đứt và bị mất trộm 42 chiếc điện thoại di động (như đã nêu bên trên). Trong số điện thoại Iphone bị mất có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 của chị Nguyễn Thị Y có cài đặt chế độ định vị nên anh K mở theo dõi và phát hiện chiếc điện thoại này đang di chuyển theo hướng từ Tân Hải ra PT, anh K rủ thêm anh Trương Công L và 02 người bạn khác đuổi theo. Khi đến địa phận xã Tân T, huyện HTN, phát hiện xe máy do Cao Đình T điều khiển, chở theo Nguyễn Thị T và một túi xách có phát tín hiệu của chiếc điện thoại của chị Y nên anh K và bạn buộc T dừng xe, kiểm tra túi xách thì phát hiện trong giỏ xách T chở theo có 41 chiếc điện thoại di động các loại. Xác định đúng là tài sản của mình bị mất, anh K hỏi chiếc điện thoại còn lại ở đâu thì T nói đã cho Trần Cẩm L đang ở L nên anh yêu cầu T và T về lại PH, đồng thời đưa L qua để lấy lại chiếc điện thoại còn lại. Sau khi trả lại chiếc điện thoại còn lại cho anh K, Trần Cẩm L đã tự nguyện đưa cho anh K số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường chi phí tìm kiếm tài sản bị trộm. Vì nghĩ đang ngày Tết Nguyên đán và cũng đã lấy lại toàn bộ tài sản nên anh K cho T và L ra về, giữ lại số điện thoại để bán nên không trình báo Công an ngay. Đến ngày 15.3.2018, anh K mới trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã L và giao nộp 03 chiếc điện thoại còn lại (trong đó có chiếc điện thoại di động Iphone 6 của chị Y. Hiện anh K, chị Y đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và chi phí tìm kiếm nên không yêu cầu gì về dân sự.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - Chị Nguyễn Thị T thì: Chị và bị cáo T chung sống với như vợ chồng từ năm 1999. Khoảng 18 giờ ngày 14/02/2018, T lấy xe đi khỏi nhà trọ, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại nói chị T về nhà trọ để cùng ra PT, lúc chị về đến nhà trọ thì thấy T và Trần Cẩm L đang ở trong nhà trọ. Sau đó, T xách một túi xách (là túi đựng

đồ mà chị đã chuẩn bị sẵn từ trước để về PT được để trong phòng trọ) đi ra xe, còn chị ẵm con ra sau rồi T chở chị và 02 con nhỏ đi. Khi qua khỏi xã Tân Hải một đoạn thì có bốn người đàn ông ép sát xe chị, buộc dừng lại, nói T trộm điện thoại và khi kiểm tra túi xách mà T mang theo thì thấy bên trong túi có rất nhiều điện thoại di động cảm ứng các loại nhưng chị không rõ bao nhiêu cái, có một người lấy lại toàn bộ số điện thoại, lấy ra đếm và hỏi T là còn 01 chiếc điện thoại nữa đâu thì T nói đã cho L. Sau đó, chị và T cùng những người này về cửa hàng điện thoại Thảo K, L cũng đến cửa hàng này và đưa lại một chiếc điện thoại cho những người trên. Chị T không hề biết sự việc T và L trộm điện thoại trong cửa hàng Thảo K cũng như việc T mang theo điện thoại trong túi xách ra PT.

Theo lời trình bày của người làm chứng Trương Công L thì vào tối ngày 29 tháng Chạp năm 2017 (tức ngày 14/02/2018), sau khi anh K báo cửa hàng Thảo K bị mất tài sản, anh L sang cửa hàng gặp anh K, lúc này anh K dùng điện thoại định vị, xác định được vị trí số tài sản bị mất nên anh K rủ anh L cùng hai người bạn của anh K lấy xe máy đuổi theo. Khi qua địa bàn xã Tân Hải một đoạn thì phát hiện một người đàn ông chở theo một người phụ nữ, 02 đứa bé và 01 túi xách. Anh K ép và đập ngã xe máy của những người này rồi kiểm tra bên trong túi xách thì thấy có 41 chiếc điện thoại di động. sau khi kiểm tra, anh K xác định đây là điện thoại di động của anh bị mất, nhưng thiếu 01 cái nên đã hỏi và người đàn ông đó cho biết đã cho người thanh niên cùng tham gia trộm với anh ta đang ở L rồi. Sau đó tất cả cùng về lại L, anh cùng với 2 người bạn của anh K đi chở người thanh niên đó qua thì người này trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 cùng với 2.000.000 đồng bồi thường chi phí Tê xe đi tìm tài sản. Sau đó, anh K cho họ về.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐGTS ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L kết luận:

*** Phần có tang vật:**

- 02 (Hai) điện thoại di động hiệu IPHONE 6, đã qua sử dụng:

+ Nguyên giá: 5.000.000 đồng/cái.

+ Tỷ lệ còn lại: 60%.

+ Giá trị còn lại: 5.000.000 đồng/cái x 60% = 3.000.000 đồng.

Giá trị tài sản định giá: 3.000.000n đồng/cái x 02 cái = 6.000.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE 5S, đã qua sử dụng:

+ Nguyên giá: 3.500.000 đồng/cái.

+ Giá trị còn lại: 2.000.000 đồng.

*** Phần không có tang vật:**

- 05 (Năm) điện thoại di động hiệu IPHONE 6, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 2.500.000 đồng/cái x 05 cái = 12.500.000 đồng.

- 04 (Bốn) điện thoại di động hiệu IPHONE 5S, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.500.000 đồng/cái x 04 cái = 6.000.000 đồng.

- 05 (Năm) điện thoại di động hiệu IPHONE 5C, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.000.000 đồng/cái x 05 cái = 5.000.000 đồng.

- 03 (Ba) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J100, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 500.000 đồng/cái x 03 cái = 1.500.000 đồng.

- 02 (Hai) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J200, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 700.000 đồng/cái x 02 cái = 1.400.000 đồng.

- 03 (Ba) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J1, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 500.000 đồng/cái x 03 cái = 1.500.000 đồng.

- 05 (Năm) điện thoại di động hiệu SAMSUNG S5360, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 400.000 đồng/cái x 05 cái = 2.000.000 đồng.

- 05 (Năm) điện thoại di động hiệu SAMSUNG S3850, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 300.000 đồng/cái x 05 cái = 1.500.000 đồng.

- 02 (Hai) điện thoại di động hiệu SONY XA, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.500.000 đồng/cái x 02 cái = 3.000.000 đồng.

- 02 (Hai) điện thoại di động hiệu SONY M4, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.000.000 đồng/cái x 02 cái = 2.000.000 đồng.

- 02 (Hai) điện thoại di động hiệu SONY E3, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.000.000 đồng/cái x 02 cái = 2.000.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu HTC 620G, đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản định giá: 1.000.000 đồng/cái x 01 cái = 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: **47.400.000** đồng

Các bị cáo Cao Đình T, Trần Cẩm L cũng như bị hại Khương Duy K và Nguyễn Thị Y đều đồng ý với kết luận định giá trên, không có ý kiến gì.

Về vật chứng vụ án: Là 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S, đều đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06/4/2018.

Về dân sự: Các bị hại Khương Duy K và Nguyễn Thị Y đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất cùng chi phí tìm kiếm tài sản do bị cáo Trần Cẩm L bồi thường nên các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 53/QĐ-VKS ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Cao Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Cẩm L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố kết luận:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/02/2018, tại cửa hàng điện thoại di động Thảo K của anh Khương Duy K Tộc Khu phố 1, phường Phước L, thị xã L, lợi dụng lúc không có người trông coi, Cao Đình T và Trần Cẩm L đã dùng kèm cắt rào lưới B40, đột nhập và lấy của vợ chồng anh K 42 điện thoại di động các loại, tổng trị giá là 47.400.000 đồng. Trần Cẩm L không trực tiếp lấy đột nhập lấy tài sản nhưng cố ý, cùng ý thức với T, giúp sức cho T thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Cao Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Cẩm L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*** Áp dụng:** Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Cao Đình T từ 30 đến 36 tháng tù;

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Cẩm L từ 09 đến 12 tháng tù.

- **Ý kiến của bị cáo Cao Đình T:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Cẩm L:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của chị Nguyễn Thị T:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

*** Bị cáo Cao Đình T nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Bị cáo Trần Cẩm L nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại Khương Duy K, Nguyễn Thị Y, người làm chứng Trương Công L. Ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, trong trường hợp cần thiết chủ tọa phiên tòa có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của các bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ

sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 14/02/2018, tại cửa hàng điện thoại di động Thảo K, Tộc khu phố 1, phường Phước L, thị xã L, tỉnh Bình Tân, bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L đã có hành vi đột nhập vào bên trong cửa hàng, lén lút lấy của vợ chồng anh Khương Duy K 42 chiếc điện thoại di động các loại, trị giá 47.400.000 đồng. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp đột nhập vào bên trong để lấy tài sản, còn bị cáo L giúp bị cáo T dùng kèm cắt lưới B 40 và đứng bên ngoài canh giới.

Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

g) Tái phạm nguy hiểm. ...

Việc các bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L có hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản trị giá 47.400.000 đồng đã đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và do bị cáo Cao Đình T đã có 04 tiền án, đã bị xác định là “Tái phạm nguy hiểm”, nay chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo Tộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 và hành vi của bị cáo Trần Cẩm L phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo L tuy không trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng đã cố ý, cùng ý thức với bị cáo T, giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt tương xứng với vai trò đồng phạm của mình là phù hợp với Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với các bị cáo Cao Đình T, Trần Cẩm L về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất

vả, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Riêng đối với bị cáo Cao Đình T, còn có nhân thân rất xấu, đã có 04 tiền án, chưa được xóa án tích, thế nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học, tu dưỡng Đ đức, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, sau khi thực hiện vụ trộm cắp nêu trên, vào ngày 26/3/2018, bị cáo lại tiếp tục đột nhập vào nhà người dân tại phường Lạc Đ, T phố PT với ý định trộm cắp tài sản, nhưng đã bị bắt quả tang. Điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo T khẩn, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều là lao động tự do, không có T nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo L không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo T đang nuôi các con nhỏ. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Trần Cẩm L “phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng”, bị cáo đã “bồi thường thiệt hại” chi phí tìm kiếm tài sản cho bị hại nên bị cáo L được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có T nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T, là người cùng đi với bị cáo T, khi bị cáo T đem tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ. Tuy nhiên, qua điều tra, xác định: chị T không biết gì về hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo, cũng không liên quan gì đến việc chứa chấp, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là phù hợp

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng chiếc xe mô tô và chiếc kềm mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm, quá trình điều tra không T hỏi được nên không đề nghị xử lý là phù hợp.

[9] Về dân sự: Bị hại Khương Duy K và Nguyễn Thị Y đã nhận lại tài sản bị mất và chi phí tiềm kiếm tài sản nên không yêu cầu các bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo Cao Đình T và Trần Cẩm L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Khoản 1, Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Các bị cáo **Cao Đình T, Trần Cẩm L** đều phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

a. Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Cao Đình T 36** (Ba mươi sáu) **tháng** tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **26/3/2018**.

b. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Cẩm L 12** (Mười hai) **tháng** tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **26/3/2018**.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cao Đình T và bị cáo Trần Cẩm L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Tân
- VKSND tỉnh Bình Tân
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Tân
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Hà L